

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Biển Động, huyện Lục Ngạn,
tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/5.000)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 1638-TB/TU ngày 05/5/2023 của Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 101/TTr-SXD ngày 13/5/2023 kèm theo Báo cáo số 184/BC-SXD ngày 13/5/2023; UBND huyện Lục Ngạn tại Tờ trình số 484/TTr-UBND ngày 11/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Biển Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/5.000), với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi và ranh giới:

a) Vị trí, ranh giới nghiên cứu:

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính xã Biền Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Phía Bắc: Giáp xã Kim Sơn, huyện Lục Ngạn;

- Phía Nam: Giáp xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn và xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động;

- Phía Đông: Giáp xã Cẩm Đàn, Quê Sơn và Chiên Sơn, huyện Sơn Động;

- Phía Tây: Giáp xã Tân Hoa, huyện Lục Ngạn.

b) Quy mô diện tích: Quy mô diện tích lập quy hoạch: 1.854,22 ha.

2. Tính chất:

Là đô thị loại V, trên trục đô thị hóa phát triển theo hướng Đông – Tây (QL31) tỉnh Bắc Giang; Là trung tâm tiểu vùng phía Đông Bắc huyện Lục Ngạn. Là đô thị vệ tinh, chuyên ngành, phát triển thương mại dịch vụ, đầu mối, công nghiệp, du lịch sinh thái, cộng đồng gắn với nông nghiệp công nghệ cao và văn hóa bản địa.

3. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2021 là 8.344 người;

- Dự báo đến năm 2035: khoảng 13.000 người.

4. Cơ cấu sử dụng đất:

Bảng cơ cấu sử dụng đất:

TT	Danh mục đất	Hiện trạng			Năm 2035		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	m2/ người	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	m2/ người
	Tổng diện tích đất tự nhiên (A+B)	1.854,22	100%		1.854,22	100%	
	Đất xây dựng	84,99	4,58%		274,66	14,81%	
	Đất khác	1.769,23	95,42%		1.579,56	85,19%	
A	Đất xây dựng (I+II)	84,99	4,58%	101,9	274,66	14,61%	211,3
I	Đất dân dụng	58,24	3,14%	69,8	117,93	6,36%	90,7
1	Đất đơn vị ở	43,90	2,37%	52,6	68,70	3,71%	52,8
-	Đất đơn vị ở hiện trạng (không tính phân đất vườn tạp, hoa mầu xen kẽ trong khu dân cư)				43,46	2,34%	
-	Đất đơn vị ở mới				25,24	1,36%	
2	Đất công cộng đô thị	1,167	0,06%	1,4	11,35	0,61%	8,7
3	Đất cây xanh công cộng đô thị	0,66	0,04%	0,8	17,08	0,92%	13,1
4	Đất hạ tầng kỹ thuật đô thị	12,52	0,68%	15,0	20,80	1,12%	16,0
II	Đất ngoài dân dụng	26,75	1,44%	32,1	156,73	8,25%	120,6

1	Đất trung tâm thể dục thể thao				3,84	0,21%	
2	Đất hỗn hợp-thương mại, dịch vụ	0,47	0,03%		16,10	0,87%	
3	Đất dịch vụ du lịch				27,08	1,46%	
4	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp				50,00	2,70%	
5	Đất di tích, tôn giáo	0,75	0,04%		0,75	0,04%	
6	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	1,31	0,07%		1,81	0,10%	
7	Đất cây xanh chuyên đề				10,22	0,55%	
8	Đất cây xanh cách ly				2,51	0,14%	
9	Đất giao thông đối ngoại	24,23	1,31%		44,42	2,40%	
B	Đất khác	1.769,23	95,42%		1.579,56	85,19%	
1	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	5,09	0,27%		13,08	0,71%	
2	Đất dự trữ phát triển				58,4	3,15%	
3	Đất nông nghiệp (nông, lâm, thủy sản)	1.671,28	90,13%		1.428,39	77,03%	
4	Mặt nước	79,69	4,30%		79,69	4,30%	
5	Đất chưa sử dụng (Đất bằng chưa sử dụng)	13,16	0,71%				

5. Định hướng phát triển không gian và các khu vực phát triển:

- *Phân vùng kiểm soát phát triển:* Đô thị được phân thành 03 Vùng kiểm sát Phát triển.

+ Vùng 01 – Vùng Lõi: là vùng khuyến khích phát triển, thu hút đầu tư xây dựng đầy đủ các chức năng đô thị. Các khu chức năng và công trình được xây dựng với quy mô từ nhỏ đến lớn và áp dụng các chỉ tiêu sử dụng đất đa dạng (thấp dần từ lõi ra các hướng).

+ Vùng 02 – Vùng đệm: là vùng hạn chế phát triển – là khu vực sản xuất nông lâm nghiệp gắn liền với các khu chức năng ở hiện trạng, các khu chức năng du lịch, dịch vụ sinh thái. Khu vực này hạn chế xây dựng các công trình quy mô lớn, áp dụng các chỉ tiêu sử dụng đất thấp, có tính chất sinh thái.

+ Vùng 03 – Vành đai xanh: là vùng bảo vệ nguyên trạng về kết cấu địa hình, cấu trúc cảnh quan. Chỉ tiến hành các hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp và xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động này.

- *Định hướng không gian tổng thể:*

+ Tuyến đối ngoại theo 04 hướng: QL31 theo hướng Đông và Tây, đường liên xã đi Kim Sơn phía Bắc và đường liên xã đi Phú Nhuận phía Nam.

+ Khu vực tập trung xây dựng đô thị hình thành trên cơ sở dọc tuyến QL31 và các thôn Biển Trên, Biển Giữa, Biển Dưới và thôn Phố, có phát triển thêm không gian về các phía Bắc, Nam và Tây.

+ Khu vực các thôn Thùng Thỉnh, Thảo, Đồng Man, Ba Lều, Khuyên, Quéo hình thành các cụm, điểm dân cư phân tán tại các khu vực xung quanh.

+ Không gian động lực công nghiệp (CCN Đồng Lèn) hình thành mới ở phía Đông Nam QL31, cửa ngõ phía Đông đô thị, với quy mô khoảng 50ha.

+ Không gian phát triển TMDV gồm trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng, tiểu vùng tại cửa ngõ phía Tây đô thị. Dọc QL31 phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ đô thị. Khu trung tâm đô thị mới, phía Bắc QL31, hình thành tổ hợp trung tâm thương mại, dịch vụ.

+ Không gian nông lâm nghiệp hiện trạng được duy trì chức năng, có ứng dụng khoa học kỹ thuật để phát triển nông lâm nghiệp công nghệ cao. Các không gian này ngoài chức năng chính là sản xuất nông lâm nghiệp, có thể kết hợp hình thành các dịch vụ sinh thái, trải nghiệm, khám phá,... nhằm gia tăng thêm giá trị.

- Không gian tổng thể đô thị được phân thành 05 khu chức năng:

+ Khu 1: Khu vực tập trung xây dựng đô thị: là khu trung tâm tổng hợp đô thị, tổ chức không gian theo dạng tập trung.

+ Khu 2: Khu vực sản xuất nông lâm nghiệp, đô thị và dịch vụ Sinh thái Đồng Man: là khu sản xuất nông lâm nghiệp và dịch vụ du lịch sinh thái, tổ chức không gian theo dạng cành nhánh.

+ Khu 3: Thung lũng Xanh thôn Thảo, Ba Lều: là khu sản xuất nông nghiệp và dịch vụ sinh thái, cộng đồng, tổ chức không gian theo dạng cành nhánh.

+ Khu 4: Khu vực sản xuất nông lâm nghiệp và dịch vụ Sinh thái Bắc sông Thảo: là khu sản xuất nông nghiệp và du lịch sinh thái, dịch vụ cộng đồng, tổ chức không gian theo dạng cành nhánh.

+ Khu 5: Khu vực sản xuất nông lâm nghiệp và dịch vụ cộng đồng Thùng Thình: Sản xuất nông lâm nghiệp và dịch vụ cộng đồng, , tổ chức không gian theo dạng cành nhánh.

- Định hướng tổ chức mạng lưới trung tâm:

+ Trung tâm tổng hợp đô thị (phía Tây QL31): gồm trung tâm hành chính, công cộng, công viên cây xanh, thương mại dịch vụ - hình thành trên cơ sở khu vực phát triển đô thị mới, tạo thành khu trung tâm đô thị hiện đại, đồng bộ.

+ Trung tâm công cộng, công viên, di sản đô thị (thôn Phố): Cải tạo khu vực các công trình công cộng hiện trạng. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất khu chợ Biển Động (chuyển sang trung tâm TMDV đô thị mới phía Tây QL31) thành công viên, trung tâm TDTT kết hợp với không gian di tích cấp Tỉnh – Cụm di tích Đình, Đền, Chùa Biển Động.

+ Trung tâm công viên đô thị (phía Đông QL31): sử dụng điểm cao đồi thôn Biển Giữa (phía sau nghĩa trang Liệt sỹ) hình thành công viên đô thị.

+ Trung tâm thương mại, dịch vụ đô thị, cấp vùng, cấp tiểu vùng: bố trí tại cửa ngõ phía Tây đô thị.

+ Các trung tâm công cộng đô thị, đơn vị ở khác: hình thành tại lõi các đơn vị ở, cung ứng hạ tầng xã hội cho các đơn vị ở.

+ Các trung tâm dịch vụ sinh thái, cộng đồng: hình thành tại các vị trí có cảnh quan đồi, núi, sông, hồ và tại các điểm dân cư gắn với văn hóa các dân tộc trên địa bàn.

6. Định hướng quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

- *Định hướng phát triển giao thông:*

+ Giao thông đối ngoại:

Quốc lộ 31: Duy tu, cải tạo tuyến đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng, lòng đường rộng 11m, nền đường rộng 12m (MC 1A-1A). Đoạn đi qua khu dân cư trung tâm xây dựng làn đường gom đảm bảo an toàn giữa dòng giao thông nội bộ và giao thông đối ngoại, mặt cắt ngang (MC 1-1) Bnền=54m: vỉa hè một bên rộng 6m, làn đường gom rộng 10,5m, dải phân cách rộng 3m, và làn đường đối ngoại rộng 15m. Đoạn đi qua khu vực phát triển đô thị cải tạo mở rộng theo tiêu chuẩn đường chính đô thị, mặt cắt ngang (MC 1'-1') rộng 30m: vỉa hè mỗi bên rộng 7,5m, lòng đường rộng 15m, 4 làn xe phục vụ giao thông đô thị.

Đường đối ngoại : gồm 2 tuyến đường phía Bắc và phía Nam, tuyến phía Bắc dài khoảng 1,5km đi xã Kim Sơn, tuyến phía Nam dài khoảng 1,3km đi xã Phú Nhuận. Cải tạo mở rộng 2 tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV, nền đường rộng 12m, lòng đường rộng 7m.

+ Giao thông đô thị:

Đường chính đô thị: đường QL.31 và 2 trục chính Bắc-Nam xây mới: Quốc lộ 31 đoạn đi trong đô thị gồm 2 đoạn với mặt cắt rộng 54m và 30m; Trục BN1: là trục hành chính, văn hóa, thể thao khu đô thị mới với mặt cắt rộng 37m; Trục BN2: là trục phân định không gian khu vực dân cư hiện trạng và khu vực phát triển mới phía Tây với mặt cắt 30m.

Đường liên khu vực: tuyến được nghiên cứu đầu nối với đường chính đô thị, kết nối các tiểu khu, các khu chức năng trong đô thị, tạo nên mạng lưới giao thông khép kín khung kết nối khu vực trung tâm: Đường rộng 27m (MC 4-4); Đường rộng 20m (MC 5-5).

Đường GTNT: Bề rộng mặt cắt ngang đường nội bộ khu dân cư đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi với nền đường tối thiểu rộng 7,5m và đường phục vụ sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn cấp V miền núi.

+ Công trình giao thông:

Xây dựng 02 bãi đỗ xe đô thị tập trung tại khu tập trung xây dựng đô thị đảm bảo bán kính phục vụ 500-700m với tổng quy mô 1,87 ha.

Cải tạo, xây dựng cầu qua sông, theo cấp hạng đường, tĩnh không cầu 2-3m nhằm đảm bảo an toàn dòng chảy khi mùa mưa, lũ quét.

Định hướng công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai: Cải tạo nâng cấp 12 hồ đập trên địa bàn xã. Kiên cố hóa 4,67 km kênh mương. Nạo vét khơi thông khe suối, khe tụ thủy, sông Thảo, kênh mương tiêu...tăng cường khả năng thoát nước vào mùa mưa lũ.

- Định hướng Cao độ nền:

+ Đối với khu vực hiện trạng: Giữ nguyên cao độ nền, chỉ san nền cục bộ. Các khu vực lõi trũng từng bước cải tạo nền, tôn nền đến cao độ không chế tối thiểu hoặc có giải pháp nền móng công trình tránh gây ngập úng.

+ Đối với khu vực xây mới: Tôn nền đến cao độ an toàn, kết nối hài hòa với khu vực hiện trạng. Cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{xdmin} \geq 49,55m$.

- Định hướng thoát nước mưa:

+ Lưu vực: phân chia phân tán nhằm thoát nhanh, triệt để, bao gồm 2 lưu vực chính và các tiểu lưu vực phụ thoát về hệ thống hồ điều hòa, kênh tiêu rồi thoát ra sông.

+ Lưu vực 1: phía Đông Bắc: thoát ra sông Thảo, diện tích lưu vực khoảng 957,9 ha.

+ Lưu vực 2: phía Tây Nam: thoát ra khe suối, khe tụ thủy rồi thoát ra sông Lục Nam ở phía Nam: diện tích lưu vực khoảng 942,24 ha.

+ Hệ thống thoát nước: Thiết kế hệ thống thoát nước mưa là hệ thống công tròn bê tông cốt thép D600 ÷ D1500 và hệ thống cống hộp BxH=2.5x2.5 chạy dọc các tuyến đường giao thông để thu gom nước mưa trên mặt đường và từ công trình.

- Định hướng cấp nước:

Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2035: 4.000 m³/ngđ;

+ Nguồn nước: Căn cứ vào Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Qua đánh giá trữ lượng và chất lượng nguồn nước của các sông, hồ, chọn nguồn nước mặt sông Cẩm Đàn và hồ Cẩm Sơn làm nguồn cấp nước chính cho sinh hoạt và sản xuất. Nguồn nước ngầm sẽ làm nguồn nước hỗ trợ dự phòng.

+ Công trình đầu mối:

Xây mới hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Biển Động -Phú Nhuận - Kim Sơn - Tân Hoa công suất đến năm 2027: 6.000 m³/ngđ, vị trí đặt tại xã Biển Động, nguồn nước thô lấy từ sông Cẩm Đàn, cấp cho thị trấn Biển Động đến năm 2027: 2.000 m³/ngđ và đến năm 2035 cấp bổ sung thêm nguồn nước sạch từ nhà máy nước Cẩm Sơn về với nhu cầu: 2.000 m³/ngđ.

Phạm vi cấp nước: gồm TT. Biển Động và các xã Phú Nhuận, Kim Sơn, Tân Hoa huyện Lục Ngạn.

- Định hướng cấp điện:

+ Tổng nhu cầu dùng điện của khu vực nghiên cứu đến năm 2035 là 16.463MW, tương đương 18,29MVA.

+ Nguồn điện: Trạm 110/35/35kV Lục Ngạn mới được nâng công suất lên 2x40MVA. Sử dụng lưới trung áp 35kV, sẽ đảm bảo cung cấp điện trong tương lai lâu dài cho thị trấn Biển Động và các khu vực phụ cận.

+ Lưới trung áp 25kV: Với nhu cầu công suất sinh hoạt 16,46 MW, vẫn sẽ sử dụng 01 tuyến 35kV hiện có cung cấp cho khu vực. Xây dựng 01 tuyến 35kV mới từ trạm 110kV Lục Ngạn kết nối với lưới 35kV hiện có cung cấp cho khu vực. Lưới 35kV xây dựng mới kiến nghị hạ ngầm theo vỉa hè đường giao thông. Cấu trúc lưới 35kV theo mạng mạch vòng vận hành hở, hoặc có liên kết với lưới trung áp của các trạm 110kV lân cận.

- Định hướng thông tin liên lạc:

+ Chỉ tiêu dự kiến cho thuê bao điện thoại (cố định và di động) đạt 130/100 dân, như vậy nhu cầu toàn bộ đô thị Biển Động khoảng 20.000 thuê bao. Sử dụng các tuyến cáp quang từ trạm chuyển mạch mới. Tuyến cáp quang này sử dụng loại FLX-600A (Quang), hạ ngầm trên vỉa hè, độ sâu trong hào cáp, khoảng cách đến chân các công trình phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành TC30-05-2002.

+ Mạng ngoại vi: Xây dựng hệ thống công bề theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng công bề để phát triển dịch vụ. Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống vỉa hè, trên đường nội bộ có mặt cắt nhỏ, đảm bảo đến 2035 đạt trên 75% tỷ lệ ngầm hóa.

+ Mạng di động: Xây dựng mới trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ chính, sử dụng công nghệ mới kiểu dáng hình cây, cột đèn... đặt dọc theo trục đường.

+ Mạng Internet: Mạng Internet sử dụng băng thông rộng, sẽ được phát triển theo phương thức qua mạng nội hạt. Cụ thể là xây dựng các đường DSLAM từ Host Lục Ngạn đến đây, đảm bảo cho khoảng 3.000 thuê bao được kết nối Internet băng thông rộng.

+ Bưu chính: Toàn huyện Lục Ngạn có 2 đại lý dịch vụ bưu chính (Bưu điện huyện, Viettel). Hệ thống bưu chính công cộng đã phủ khắp các xã thị trấn cơ bản đáp ứng được nhu cầu dịch vụ bưu chính trong huyện. Tiếp tục cải tạo xây dựng Bưu điện Văn hóa xã Biển Động.

- Định hướng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang:

+ Thu gom và xử lý nước thải:

Tổng lượng thải khoảng 2.120 m³/ ngày, trong đó:

Hệ thống thoát nước thải dự kiến là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải của thị trấn được thu gom và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung có công suất 2000 m³/ngày, diện tích 0,4ha. Trạm bơm chuyển tiếp nước thải số 1 có công suất: 500 m³/ ngày. Trạm bơm chuyển tiếp nước thải số 2 có công suất: 1500 m³/ ngày.

Nước thải từ cụm công nghiệp: Nước thải cụm công nghiệp được xử lý đạt quy chuẩn môi trường. Xây dựng TXL cụm công nghiệp: 600 m³/ ngày. Nước thải từ cụm công nghiệp: Nước thải cụm công nghiệp được xử lý đạt quy chuẩn môi trường. Xây dựng TXL cụm công nghiệp: 600 m³/ ngày.

+ Thu gom và quản lý chất thải rắn: Dự báo lượng CTR: 24,5 tấn/ ngày. CTR đô thị phải được phân loại tại nguồn thải thành các chất hữu cơ và vô cơ trước khi thu gom, vận chuyển đến khu xử lý CTR của huyện. Theo quy hoạch tỉnh Bắc Giang, khu xử lý CTR tập trung của toàn huyện dự kiến đặt tại xã Kiên Thành với quy mô công suất khoảng 300 tấn/ngày và diện tích khoảng 05 ha.

+ Quản lý nghĩa trang: Dự kiến xây dựng mới 01 nhà tang lễ cho đô thị bên trong công viên nghĩa trang quy hoạch mới. Đối với các nghĩa trang hiện có trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch: Từng bước, có lộ trình dừng chôn cất mới (hung táng) tại các nghĩa trang hiện có, chỉ tiếp nhận mộ cát táng, hỏa táng. Tại các nghĩa trang này sẽ cải tạo, trồng thêm cây xanh. Dự kiến quy hoạch công viên nghĩa trang mới tại khu vực phía Đông (thôn Thảo) với tổng diện tích khoảng 10ha.

7. Đánh giá môi trường chiến lược:

Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, việc đầu tư xây dựng đô thị Biển Động cần đảm bảo hạn chế tối đa các tác động làm ảnh hưởng tới đời sống về vật chất, tinh thần, cảnh quan, môi trường và phải làm động lực thúc đẩy kinh tế toàn huyện Lục Ngạn phát triển.

8. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

- Triển khai các dự án khu vực trung tâm đô thị.
- Xây dựng các công trình công cộng đô thị: UBND thị trấn mới, trường học, chợ, nhà văn hóa, sân thể thao.
- Cải tạo hạ tầng giao thông trục chính đô thị: QL31, các đường trục chính BN1, BN2.
- Xây dựng mới các công trình HTKT: nhà máy cấp nước sạch đô thị, mạng lưới cấp nước khu vực trung tâm, mạng lưới thoát nước mưa, công trình trạm xử lý nước thải (gần sông Thảo), mạng lưới thoát nước thải.
- Xây dựng khu đô thị (đơn vị ở mới hình thành) cùng hệ thống HTKT và HTXH đi kèm.
- Xây dựng quỹ nhà tái định cư phục vụ nhu cầu giải tỏa xây dựng hệ thống HTKT và HTXH.
- Thu hút đầu tư, xây dựng các trung tâm thương mại dịch vụ: ưu tiên các công trình dọc QL31 (khu vực cửa ngõ phía Tây, khu vực UBND xã hiện trạng).
- Thu hút đầu tư, xây dựng hạ tầng du lịch: khu du lịch, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ...

9. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong “Quy hoạch chung đô thị Biển Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/5.000)” ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Sở Xây dựng, UBND huyện Lục Ngạn chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, các nội dung thẩm định theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Lục Ngạn và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích